TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 3 năm 2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Ai Giôn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trà Giang
Bà Dương Thị Được

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20-3-2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 299/2025/TLST-DS ngày 24-12-2025 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28-01-2026, quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26-02-2026, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp T, xã Long Tân, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Ngọc C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp T, xã Long Tân, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp T, xã Long Tân, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qúa trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T (Ông T) và bà Trần Ngọc C (Bà C) chung sống với nhau vào năm 1993, hai bên không tổ chức đám cưới, cũng không đăng ký kết hôn. Trong đơn khởi kiện ông T ghi là ông T và bà C chung sống năm 1995 và có tổ chức đám cưới, thông tin này ông T ghi nhầm lẫn và chưa C xác. Ông T và bà C chung sống tại Ấp T, xã Long Tân, nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên trong quá trình chung sống thì cả hai bên mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân các bên bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau nên từ năm 2018 bà C không sống cùng với ông T nữa. Từ đó đến nay các bên không còn ai liên hệ về tình cảm gì với nhau.

- Về hôn nhân: Ông T và bà C không phải là vợ chồng, nên ông T yêu cầu Toà án tuyên bố ông T và bà C không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Ông T và bà C trong quá trình chung sống có tên Nguyễn Anh Tài, sinh năm 1999 (Đã mất) và Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1997. Con đã thành niên nên ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Ngọc C trình bày:

Bà C thống nhất với lời trình bày của ông T về điều kiện chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung.

- Về hôn nhân: Ông T và bà C không phải là vợ chồng, nên ông T đồng ý để Toà án tuyên bố Ông T và bà C không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Ông T và bà C trong quá trình chung sống có tên Nguyễn Anh Tài, sinh năm 1999 (Đã mất) và Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1997. Con đã thành niên nên ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng. Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thì đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp*:

Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13, theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

- Về thời điểm và điều kiện chung sống: Ông T và bà C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993. Mặc dù ông T có sự nhầm lẫn về mốc thời gian trong đơn khởi kiện (ghi năm 1995), nhưng tại các biên bản lấy lời khai và hòa giải, cả hai bên đã thống nhất xác nhận bắt đầu chung sống từ năm 1993, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Về tính pháp lý của quan hệ: Theo văn bản trả lời của UBND xã Đ, qua tra cứu hồ sơ hộ tịch không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của ông T và bà C. Căn cứ khoản 1 Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc

nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Về tình trạng mâu thuẫn: Cả hai bên đều thừa nhận do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nên đã không còn chung sống, chấm dứt mọi liên hệ tình cảm từ năm 2018 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là có cơ sở pháp lý để chấp nhận.

[3]. *Về con chung:*

Ông T và bà C xác nhận có 02 con chung là ông Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 01-3-1997 và ông Nguyễn Anh Tài, sinh năm 1999 (Hiện đã mất). Đối với con chung là Nguyễn Anh Tuấn, hiện đã thành niên (trên 18 tuổi) và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung:*

Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí do có đơn xin miễn án phí với lý do người cao tuổi (trên 60 tuổi) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; Điều 35, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Trần Ngọc C là vợ chồng.

2. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm (Đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 13;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 13;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đã đóng dấu)

Bùi Ai Giôn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Ai Giôn